TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/8/2022
V/v "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thẩm Văn M
Bà Hoàng Nữ Quyên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huy - Thư ký Toà án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Xóm Đ, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Lê M, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Xóm P, xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Chị Hà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Tạ Thị H trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê M tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, thành phố Hà Nội ngày 22/01/2008. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M ham chơi, không chịu làm ăn. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh M không nghe và thay đổi. Hiện nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê M.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Thùy L, sinh ngày 18/6/2009, Lê Huy H, sinh năm 25/7/2011. Sau ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Lê M đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và nhận được các giấy triệu tập hợp lệ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa thông qua ông Lê Văn Hào là bố đẻ anh M nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh M không lần nào đến Tòa án để tham gia tố tụng vì thế không có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án.

3. Tại biên bản làm việc với ông Lê Văn H, có sự chứng kiến của đại diện UBND xã L, ông H trình bày như sau:

Anh Lê M vẫn có hộ khẩu thường trú tại khu P, xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh M biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Hà và anh M, nhưng anh M bận đi làm ăn xa, không về Tòa án làm việc được. Anh Lê M và chị Tạ Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện H, thành phố Hà Nội ngày 22/01/2008. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh M không chịu tu chí làm ăn, vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống. Nay chị Hà đề nghị được ly hôn anh M, gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

4. Tại biên bản làm việc với Trưởng khu P, có sự chứng kiến của đại diện UBND xã L, ông Trần Tuấn H trình bày như sau:

Anh Lê M vẫn có hộ khẩu thường trú tại khu P, xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Anh Lê M và chị Tạ Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện H, thành phố Hà Nội ngày 22/01/2008, sau đó vợ chồng về sinh sống tại xã L, huyện YL. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh M không chịu tu chí làm ăn. Có thời gian anh M phải đi chấp hành án tại trại giam Tân Lập, cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nay chị Hà đề nghị được ly hôn anh M, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

5. Tại bản tự khai của các cháu Lê Thị Thuỳ L, Lê Huy H cùng có quan điểm nếu bố mẹ cháu ly hôn thì các cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ cháu là Tạ Thị H.

6. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tống đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng, đúng quy định pháp luật cho phía bị đơn.

Về nội dung vụ án đề nghị hướng giải quyết như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị H được ly hôn anh Lê M.

Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Lê Thị Thuỳ L, sinh ngày 18/6/2009 và Lê Huy H, sinh ngày 25/7/2011, kể từ khi ly hôn đến khi con đã thành niên. Chị Hà tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị Tạ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm*:* Chị Tạ Thị H phải chịu quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Căn cứ đơn khởi kiện của chị Tạ Thị H, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*. Bị đơn anh Lê M đang cư trú tại xã L, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Tạ Thị H vắng mặt, tuy nhiên chị đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê M vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê M và chị Tạ Thị H.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê M và chị Tạ Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, thành phố Hà Nội, ngày 22/01/2008, đây là hôn nhân hợp pháp. Tòa án đã tiến hành xác M tình trạng hôn nhân giữa anh Lê M và chị Tạ Thị H được đại diện khu dân cư và Ủy ban nhân dân xã L cho biết nguyên nhân mẫu thuẫn giữa anh M và chị H do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đề nghị giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho các bên.

[4] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh M không có mặt, đại diện gia đình anh M cũng đã có quan điểm. Thấy rằng tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên việc chị Tạ Thị H xin ly hôn anh Lê M là có căn cứ, đúng thực tế phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị Tạ Thị H được xin ly hôn anh Lê M.

[5] *Về con chung*: Chị Tạ Thị H xác định vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Thuỳ L, sinh ngày 18/6/2009, và Lê Huy H, sinh ngày 25/7/2011. Xét thấy chị H có thời gian và điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và nguyên vọng của con chung phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy cần giao cả 02 con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] *Về tài sản chung, công nợ, công sức:* Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

[7] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị H được ly hôn anh Lê M.

2. Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung Lê Thị Thuỳ L, sinh ngày 18/6/2009 và Lê Huy H, sinh ngày 25/7/2011, kể từ khi ly hôn đến khi con đã thành niên. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Lê M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Tạ Thị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tạ Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Tạ Thị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0008464 ngày 06/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Chị H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện YL;
- Chi cục THADS huyện YL;
- UBND xã L, huyện H,
Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Tuấn Anh